

Trụ Năm 2015			Trụ Tháng 07			Trụ Ngày 22			Trụ Giờ 12:01			
Sát ẤT Kỷ Tỷ Q.Đới	MÙI Át Sát Dưỡng	Dưỡng Đinh Kiêu Q.Đới	T.Tài QUÝ Kỷ Tỷ Q.Đới	MÙI Át Sát Dưỡng	Mộ Mộ Đinh Q.Đới	Thân KỶ Giáp Quan	Tài HỢI Nhâm Tài	Q.Đới Thai	Thương CANH Đinh Kiêu Q.Đới	Q.Đới M.Dục Kỷ Tỷ Q.Đới		
Quan Đới			Quan Đới			Thai			Lâm Quan			
Hoa Cái Giáp Lộc Thái Dương Đức Quý Nhân Phúc Tinh	Ám Lộc		Hoa Cái Giáp Lộc Thái Dương Phúc Tinh	Ám Lộc		Quốc Ân			Văn Xương Quy Lộc Thiên Y Hồng Diễm Thái Cực			
Đại Vận 0 (0 - 4 tuổi)			Đại Vận 1 (5 - 14 tuổi)			Đại Vận 2 (15 - 24 tuổi)			Đại Vận 3 (25 - 34 tuổi)			
T.Tài QUÝ Kỷ Tỷ Q.Đới	MÙI Át Sát Dưỡng	Mộ Đinh Kiêu Q.Đới	Tài NHÂM Đinh Kiêu L.Quan	NGỌ Kỷ Tỷ L.Quan	Thai	Thực TÂN Bính Án L.Quan	TY Mậu Kiếp L.Quan	Tử Canh Thương T.Sinh	Thương CANH Mậu Kiếp Q.Đới	THÌN Át Sát Q.Đới	Dưỡng Quý T.Tài Dưỡng	
Đại Vận 4 (35 - 44 tuổi)			Đại Vận 5 (45 - 54 tuổi)			Đại Vận 6 (55 - 64 tuổi)			Đại Vận 7 (65 - 74 tuổi)			
Tỷ Kỷ	MÃO Át Sát L.Quan	Bệnh	Kiếp MẬU Giáp Quan	DẦN Bính Án T.Sinh	T.Sinh	Kiêu ĐINH Kỷ Tỷ Mộ	SỬU Tân Thực Dưỡng	Mộ Quý T.Tài Q.Đới	ÁN BÍNH Tỷ Quý T.Tài L.Quan	THÌN Quý T.Tài L.Quan	Thai	
Đại Vận 8 (75 - 84 tuổi)			Đại Vận 9 (85 - 94 tuổi)			Đại Vận 10 (95 - 104 tuổi)			Đại Vận 11 (105 - 114 tuổi)			
Sát ẤT Giáp Quan T.Sinh	HỢI Nhâm Tài L.Quan	Tử	Quan GIÁP Mậu Kiếp Mộ	TUẤT Đinh Kiêu Dưỡng	Dưỡng	T.Tài QUÝ Kỷ Dưỡng	DÂU Tân Thực L.Quan	Bệnh	Tài NHÂM Canh Thương L.Quan	THÂN Mậu Kiếp Bệnh	T.Sinh Nhâm Tài T.Sinh	
Sát ẤT Thương Sát Ất	MÙI Dưỡng Tỷ Kỷ	1 tuổi	ÁN BÍNH Thực Án	THÂN Thực TÂN Bệnh	2 tuổi	Kiêu ĐINH Đinh Đ. Vượng	DÂU Bệnh	3 tuổi	Kiếp MẬU Mậu Đ. Vượng	TUẤT Tân Thực	4 tuổi	Tỷ KỶ Tỷ Kỷ
Thương CANH	THÌN Tỷ	6 tuổi	ÁN BÍNH Thực Án	THÂN Thực TÂN Bệnh	7 tuổi	Tài NHÂM Nhâm Đ. Vượng	DÂU Bệnh	8 tuổi	T.Tài QUÝ Tỷ Đ. Vượng	MÃO T.Sinh	9 tuổi	Quan GIÁP T.Sinh
Á Sát ẤT	MÃO L.Quan	11 tuổi	ÁN BÍNH Thực Án	THÌN Thực TÂN Bệnh	12 tuổi	Kiêu ĐINH Đinh Đ. Vượng	MÙI Bệnh	13 tuổi	Kiếp MẬU Mậu Đ. Vượng	THÂN Bệnh	14 tuổi	Tỷ KỶ Tỷ Kỷ
Thương CANH	TUẤT L.Quan	16 tuổi	Thực TÂN Hợi	17 tuổi	Tài NHÂM Nhâm Đ. Vượng	TÝ Nhâm Đ. Vượng	DÂU Bệnh	18 tuổi	T.Tài QUÝ Tỷ Đ. Vượng	SỬU Q.Đới	19 tuổi	Quan GIÁP Dâu
Sát ẤT Thương Sát Ất	MÃO L.Quan	21 tuổi	ÁN BÍNH Thực Án	THÌN Thực TÂN Bệnh	22 tuổi	Kiêu ĐINH Đinh Đ. Vượng	TÝ Đinh Đ. Vượng	23 tuổi	Kiếp MẬU Mậu Đ. Vượng	ĐƯỜNG Q.Đới	24 tuổi	Tỷ KỶ Tỷ Kỷ
Thương CANH	THÂN L.Quan	26 tuổi	Thực TÂN Dâu	27 tuổi	Tài NHÂM Nhâm Đ. Vượng	THÌN Nhâm Đ. Vượng	DÂU Bệnh	28 tuổi	T.Tài QUÝ Tỷ Đ. Vượng	HỢI Đ. Vượng	29 tuổi	Quan GIÁP Tỷ
Sát ẤT Thương Sát Ất	SỬU Suy	31 tuổi	ÁN BÍNH Thực Án	ĐƯỜNG TÂN Dâu	32 tuổi	Kiêu ĐINH Đinh Đ. Vượng	MÃO Bệnh	33 tuổi	Kiếp MẬU Mậu Đ. Vượng	THÌN Q.Đới	34 tuổi	Tỷ KỶ Tỷ Đ. Vượng
Thương CANH	NGỌ M.Dục	36 tuổi	Thực TÂN Mũi	37 tuổi	Tài NHÂM Nhâm Đ. Vượng	THÂN Nhâm Đ. Vượng	DÂU Bệnh	38 tuổi	T.Tài QUÝ Tỷ Đ. Vượng	ĐƯỜNG Bệnh	39 tuổi	Quan GIÁP Tỷ
Sát ẤT Thương Sát Ất	THÌN Dưỡng	41 tuổi	ÁN BÍNH Thực Án	THÌN Thực TÂN Tỷ	42 tuổi	Kiêu ĐINH Đinh Tỷ	ĐƯỜNG Mộ	43 tuổi	Kiếp MẬU Mậu T.Sinh	ĐƯỜNG T.Sinh	44 tuổi	Tỷ KỶ Tỷ Bệnh
Thương CANH	THÌN Dưỡng	46 tuổi	Thực TÂN Tỷ	47 tuổi	Tài NHÂM Nhâm Tỷ	THÌN Nhâm Tỷ	ĐƯỜNG Mộ	48 tuổi	T.Tài QUÝ Tỷ Tỷ	ĐƯỜNG Mộ	49 tuổi	Quan GIÁP T.Thân
Sát	THÌN Tỷ	51 tuổi	Án	2066	52 tuổi	Kiêu	2067	53 tuổi	Kiếp	2068	54 tuổi	Á Tỷ 2069

AI	DẬU	Tuyệt	BINH	IUA I	Mộ	ĐINH	HỢI	Thai	MÃU	I Y	Thai	KÝ	SƯU	Mộ
Thương CANH	2070 DÂN	56 tuổi Tuyệt	Thực TÂN	2071 MÃO	57 tuổi Tuyệt	Tài NHÂM	2072 THÌN	58 tuổi Mộ	T.Tài QUÝ	2073 TY	59 tuổi Thai	Quan GIÁP	2074 NGỌ	60 tuổi Tử

Kim Hòa Thủỷ Thổ Mộc ⚡ Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Em Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Em Xemtuong lá số tú trụ này và luận giải cùng Quý Em những vấn đề mà Quý Em đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Em hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Em không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trụ, bát tự hay tú trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Em dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Em nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Em cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Em đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Em mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tú Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Kỷ Thổ** gấp địa chi tru năm **Mùi Thổ** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là **Kỷ Thổ** gấp địa chi tru tháng **Mùi Thổ** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là **Kỷ Thổ** gấp địa chi tru ngày **Hợi Thủỷ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Kỷ Thổ** gấp địa chi tru giờ **Ngọ Hỏa** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Sự thông cǎn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Cǎn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 7.5/10

Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm **Ất** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Quý** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Kỷ** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Quan** **Đới** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Canh** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Quan** **Đới** nên được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Giáp Tuất** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: **Giáp Dần** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Tuất Dần này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh Canh **Thìn** nạp âm là Kim là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Em ít được phúc lộc.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ năm **Ất Mùi** nạp âm là Kim là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ tháng **Quý Mùi** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ ngày **Kỷ Hợi** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ giờ **Canh Ngọ** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bỗ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Ất Mùi** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Quý Mùi** là **Thổ** khắc **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Kỷ Hợi** là **Thổ** khắc **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Canh Ngọ** là **HỎA** khắc Kim.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này quá xấu, tối nển tắt đrowsing, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và có thể thực hiện những việc quan trọng mà có thể tránh được rủi ro.

Điểm 0/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Hợi Mùi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Hợi Mùi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Kỷ Hợi và Canh Ngọ này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Vượng: **Thổ 31/50**

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Em có Thân **Thổ** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **31/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **21/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Em là **Thân**

Vượng Thổ. Để Quý Em Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Thổ** thì dụng thần nên là **Mộc** để khắc bớt **Thổ**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiềm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Em là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Em là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phun, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Em là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Em khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Em không chết úng.

Dụng Thần: **Thủy**(ưu tiên nhất) **Hỏa**(ưu tiên nhì)

Dụng Thần là **Thủy** (dụng thần 1)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rác, nước chảy, cảng khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sĩ , y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Em vì **Thủy** là dụng thần của Quý Em. Quý Em có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Em nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Em dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là **Hỏa** (dụng thần 2)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Em vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Em. Quý Em có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Hỏa**.

Quý Em nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Em dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Em nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Em là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Em là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hắc bớt thân vượng. Quý Em hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Em có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Em, ví dụ chữ dụng thần Quý Em có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Em hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Em, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Em mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Ất Mùi bị Tân Sửu thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Tân Sửu.

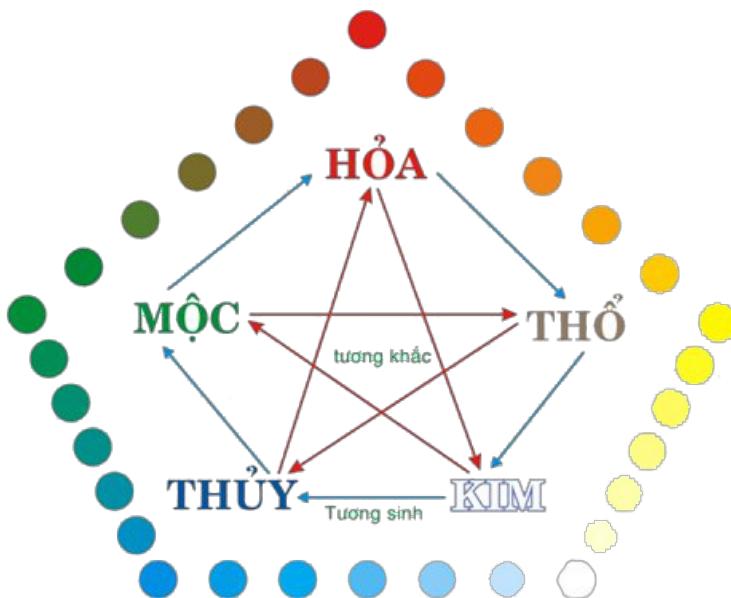
Trụ Tháng Quý Mùi bị Kỷ Sửu thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Kỷ Sửu.

Trụ Ngày Kỷ Hợi bị Ất Tỵ thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Ất Tỵ.

Trụ Giờ Canh Ngọ bị Bính Tý thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Bính Tý.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niêm vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Em nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Em, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Em hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm

Ngày Ngũ hành	Mộc	HỎA	THỔ	Kim	Thủy
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoắn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đồm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Thổ

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Thổ có nước da hơi vàng đen, bụng tròn lớn, lưng rộng, rốn sâu, cổ ngắn, mắt dài, bàn chân nhiều thịt, chân mày rậm; tướng thịt nhiều nhưng không quá béo; đầu vuông, mũi cao dày, cầm hơi vuông và hơi triều lên; răng nhọn, tay nhọn, lưỡng quyền cao; đi đứng vững vàng, tiếng nói trầm có âm hậu.

Nhìn chung, người thuộc Thổ hợp với vùng giữa hoặc có thể thích ứng với tất cả các phương. Người thuộc Thổ về nghề nghiệp cũng có thể thích hợp với nhiều ngành, nhiều nghề của tất cả những người thuộc hành khác. Tuy nhiên, người thuộc Thổ thường không được nổi trội thật đặc biệt trong nghề nghiệp như những người thuộc hành khác.

Quý Em Người Thuộc Thổ Vượng

Người mà Thổ vượng thì thắt lưng tròn, mũi nở, lông mày thanh tú, mắt đẹp, nói năng lưu loát và tiếng nói âm vang. Người thổ vượng thường là người độ lượng, trung tín, chân thành và hành động rất chắc chắn, có kết

quả. Người mà Thổ quá vượng, quá mạnh thì đầu óc cứng nhắc, chậm hiểu biết, tính tình hướng nội, sống trầm lặng và khá bảo thủ. Tuy nhiên, nếu người thuộc Thổ mà quá vượng thì thường hay mắc các bệnh về lá lách, dạ dày, hoặc vùng bụng, lưng, ngực, phổi...

Cung Mệnh ở Thìn sao Thiên nhu

Quý Em cơ mưu tháo vát, nhiều việc.

Trụ năm của Quý Em có Thiên Quan

Trụ năm có thiên quan (sát) là con thứ, trên có anh chị. Nếu là kỵ thần thì sinh ở gia đình nghèo khó.

Trụ tháng của Quý Em có Thiên Tài

Trụ tháng thiên tài có giờ kiếp tài (kiếp) thì trước giàu sau nghèo. Trường hợp năm tháng can cùng thiên tài thì bồ nǚ nắm quyền hai nhà hoặc làm con nuôi. Trường hợp can chi đều thiên tài (tài) thì xa nhà thì làm ăn phát đạt.

Trụ ngày của Quý Em có Chánh Tài

Trụ ngày có chính tài (tài) thì nam được vợ giúp, độc lập làm giàu. Nếu tọa sao tướng thì nam lấy được vợ con nhà danh giá, vợ có tài. Nói chung thì có bạn đời đoan trang, cần cù lao động.

Trụ giờ của Quý Em có Thương Quan

Trụ giờ có thương quan (thương) thì con cái chí khí cao, hiếu thắng. Hoặc con cái duyên mỏng, học hành dốt nát, không thông minh, không có hiếu. Hào con cái khó khăn. Về già cô độc.

Trong tú trụ Quý Em có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

Trong tú trụ Quý Em có Dương Nhận

Dương Nhận cho biết Quý Em hung bạo, ngang tàng, thô bạo, nóng nảy, gấp gáp.

Tú Trụ của Quý Em có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tú Trụ của Quý Em có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tú Trụ tài, có lộc

Trú trụ có tài, có lộc; hành vận đến lộc vận lại xấu.

Tú trụ có Dương Nhận

Dương nhẫn: là sao có đặc thù hình phạt, cần phải không xung không hợp có chế ngự mới tốt.

a: Dương nhẫn gặp hình xung thì hại người.

b: Hội hợp thì lao khổ vất vả.

a: Ngày chủ vượng kỵ Dương nhẫn. Ngày chủ xung thích Dương nhẫn hộ vệ bảo vệ thân thể.

b: Sao sát không có Dương nhẫn không hiển lộ. Dương nhẫn không có sao sát thì không có uy.

c: Trong Mệnh có Dương nhẫn, thiên quan càng vượng lại có chính án tiếp trợ gọi là "Sát án tương sinh"

Dương nhẫn trợ uy không gì không quý hiển.

d: Mệnh nam nhiều Dương nhẫn: cung vợ có tổn thất. Mệnh nữ nhiều Dương nhẫn: lảng lơ hoang dâm.

e: Ngày chủ mạnh, mệnh cục có Dương nhẫn, không có thiên quan. Năm vận gặp thiên quan vượng: Chuyển họa thành phúc, hoặc có sao án không có thiên quan: năm vận gặp thiên quan vượng có phúc.

f: Trong mệnh sao sát, Dương nhẫn đều có: hành vận Dương nhẫn Kiếp sát, lập nghiệp công danh, hoặc thủ nghĩa xả thân thành danh.

g: Dương nhẫn ở vận tử, tuyệt cùng trụ: tính tình độc ác. Với Mộc dục cùng trụ: gặp bệnh hiểm nghèo.

h: Dương nhẫn xung hợp năm vận: gặp phúc tất tai nạn sẽ đến.

j: Tài là kỵ thần: Chi gặp Dương nhẫn can là sao tài gọi là nhẫn đầu tài. Chi tọa kiến lộc can là sao tài gọi là lộc đầu tài. Năm vận gặp Dương nhẫn hoặc sao tài thì vì tài mà mất danh hoặc vợ chồng gặp chuyện thị phi, trộm cắp thương thân.

Trụ năm có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ tháng có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ năm có Chính án và Dương nhẫn cùng trụ

Chính án và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hâm vào bệnh tật.

Trụ tháng có Chính án và Dương nhẫn cùng trụ

Chính án và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hâm vào bệnh tật.

Trụ năm có Dương nhẫn

Năm có Dương nhẫn: Xuất thân nghèo hèn, hoặc có tính lấp oán báo ân.

Trụ tháng có Dương nhẫn

Tháng có Dương nhẫn: tính thích khoa trương hoặc cha mẹ anh em không có tài.

Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỳ khôi vong hình xung phá.

Quốc án quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Quốc án quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc án quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tứ trụ có quốc án, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu án gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Lộc thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139)

Lộc là tước lộc, nhờ có thể lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh.

Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiến lộc, ở chi ngày gọi là chuyện lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc.

Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khắc, lộc gặp thân yếu thì tài kỵ thấy khắc.

Lộc mã từ suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên.

Lộc sợ nhất là nhập vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định đói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không.

Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dàn gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đình chúc, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ.

Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiến lộc là nghèo đói mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác.

Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống dê (kiếp tài), nếu không sẽ khắc vợ (chồng), khắc cha.

Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ấn sinh cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên át quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vương lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Em gấp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gấp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Nhật nguyên Quý Em sinh trụ năm thì con hiếu kính cha mẹ.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dị.

Thiên tài bị khắc thì cha mất trước mẹ.

Thiên tài là cha nhưng ở đất tuyệt tử mồ xem như bị khắc

Trong Tứ trụ Quý Em có can ngày mà gặp tài thì không hay vì sẽ khắc mẹ hoặc mẹ có bệnh.

Trong Tứ trụ Quý Em đều có cả thiên và tài là mẹ sẽ lấy hai đời chồng.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thăng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha

bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Thân và tài đều là vuợng là suốt đời vui thú với ruộng vườn cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Chi tháng giống chi năm là không có tổ nghiệp.

Trụ năm là thất sát, tì kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Trụ năm có thất sát, tì kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Em gấp nhiều là anh chị em đồng đúc.

Tỉ kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Trụ ngày Quý Em yếu, mà không có tỉ kiếp thì lấy ấn để tính số lượng anh em.

Lệnh tháng Quý Em gấp xung là anh em mỗi người một phuong.

Trong Tứ trụ Quý Em không có tỉ kiếp và ấn tinh là từ bé đã gặp vận tỉ kiếp, bẩn thân nhờ anh em họ hay bạn bè nuôi dưỡng lớn lên.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Em về hôn nhân như sau.

Quý Em Nam tuổi Ất Mùi hợp với Nữ tuổi Bính Thân - Đinh Dậu - Bính Ngọ về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Em có thể tùy ý chọn.

Nam gấp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gấp thương quan là có tái giá.

Quý Em Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quản bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phòi hôn.

Quý Em có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Chi ngày Quý Em là dàn thân tị hợi thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Em lấy vượng làm phúc.

Quý Em có Chính tài vượng là vợ cả không dung thứ vợ lẽ.

Quý Em Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Quý Em có Tài vượng thân cường là phú quý mà nhiều vợ.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trong Tứ trụ Quý Em có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Em Người trong Tứ trụ không có kinh thương, hành vận đến lúc gặp kinh thương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Em có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Em có Tài đóng ở trụ ngày là tài ở đất vượng, là tượng người vừa được vợ vừa được cửa; nếu tài không ở đất tử, mộ là người được cửa phía nhà vợ.

Tứ trụ Quý Em có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Em có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Em có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Em có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Quý Em Thân vượng, tài vượng là phúc, nếu thêm quan tinh thì càng tuyệt diệu.

Quý Em Thân vượng, tài nhiều là tiền của vừa ý.

Trong trụ Quý Em có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Trong trụ Quý Em gặp đất hợp tài là cơ nghiệp bền vững.

Quý Em có Tài tinh ở ngôi chính nắm quyền, trụ ngày mạnh là người danh lợi song toàn, nếu gặp được án thụ là được hỗ trợ mạnh mẽ, chầu báu đầy nhà, phúc bền lâu.

Quý Em Có tài gấp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gấp tân sửu, người tị, dậu, sửu gấp ất mùi, người thân, tý, thìn gấp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gấp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Em có Tài, quan làm mồ kho nếu không xung thì không phát.

Có Tài Quan ở mộ (mộ là kho) khi gặp xung khắc thì như cửa kho bị phá lúc đó mới phát tài, có nghĩa tới vận bị xung Tài thì sẽ phát lên.

Quý Em có Thiên tài và thiên lộc, là của tự nhiên không lao động mà có, là được hưởng phúc săn có.

Tài tinh Quý Em chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Em Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Quý Em có Tài tàng ẩn ở trong quan kho, là sự quý báu hiếm thấy.

Quý Em có Tài gặp đất phùng sinh tiền của vạn kho.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quý Em có Tài đóng ở nhật nguyên, hành đến vận tài thì sẽ phát.

Trong trụ Quý Em vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quý Em Trước tì, sau tài là trước nghèo sau giàu.

Quan tinh Quý Em là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Em có Tài mừng gặp sát, mười người có đến chín người phú quý.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Em có 1 Tài lộ 1 Tài ẩn

Thương quan Quý Em có Tài đến những năm đại vận và lưu niên gặp Quan, Sát, và kế bên có chữ Suy, Tuyệt thì sẽ mất tài, mất lộc.

Trụ ngày Quý Em yêu không thắng nổi tài thì vì của cải mà bị tai hoạ.

Quý Em Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Quý Em có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai hoạ liên miên.

Quan Vận

Quý Em có Sát Nhẫn rõ mà mạnh bằng nhau, chức tước tới Vương hầu (Thân phải vượng).

Quý Em Thương Quan có Nhẫn, có tài làm tướng.

Quý Em có Tài sinh Thất Sát, quyền uy trên cả vạn người, có thêm Ân tương phù, làm quan cao cực phẩm.

Thất Sát Quý Em có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Em có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Em Có Quan mà không có Ân, quan giả.

Quý Em có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Em Có Sát không có Ân thiếu văn tài.

Quý Em có Thiên Ân nhiều, học nhiều thành tựu ít.

Quý Em có Nhật trụ Tài nhiều Tài vượng, không phải là người có học.

Quý Em có Thương Quan thân vượng Tài vượng, có tên bảng vàng (Chỉ Thương Quan thương tận).

Trụ tháng Quý Em Sát cùng Nhẫn, nỗi danh.

Quý Em có Tỷ Kiên gấp Lộc, anh em danh cao.

Nghề Nghiệp

Quý Em có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Em có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Quý Em có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Em có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Kim thủy Thương Quan, giỏi hùng biện, hợp những nghề ăn nói, MC, tuyên truyền...

Quý Em có Thiên Tài gấp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Em có Thiên Tài gấp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Em là Thủy

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Em là **Thủy**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Em là Hỏa

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Em là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Em có Thương quan gấp tài, thất sát bị kiềm chế là nhiều con.

Trụ nhật Quý Em làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Quý Em có Thương quan đến vận gấp tài là có con.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rỡ tổ tiên.

Trụ giờ Quý Em được trụ ngày phù trợ là người tuổi cao vẫn còn có con.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can Quý Em giờ vượng là sinh con trai.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Sinh vào ngày giờ canh thì mặt vuông, trán rộng.

Người sinh vào các giờ tí, ngọ, mao, dậu là lúc sinh ra nầm ngửa.

Cha có thát sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thát sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Em có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Trụ giờ Quý Em có thương quan là hào con cái khó khăn.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Em Tuy thân mạnh nhưng bị sát xì hơi là con cái ít và không phát đạt.

Thương quan Quý Em bị chế ngự là cháu họ thừa tự.

Trụ giờ Quý Em gặp thương quan thì có con nhưng học hành dốt nát.

Quý Em Trụ giờ gặp kình dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Quý Em Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Can giờ Quý Em khắc can năm, nếu sinh con trai thì không thuận.

Trong Tứ trụ Quý Em có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Trụ năm Quý Em làm thương tổn can ngày là cha và con không thân nhau.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Em có Tỷ kiêm nhiều, cả đời ít ốm đau.

Quý Em có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Thổ kim tương sinh mà quá vượng, hay khí hư, thường đầy bụng, bí đại tiện, khát nước.

Mộc bị kim khắc, đau gân cốt, đau sườn, đau lưng.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tú trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tý sửu dần mao...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Em hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường	Thai	Dưỡng	Trường	Mộc	Quan	Lâm	Đế	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
-------------	------	-------	--------	-----	------	-----	----	-----	------	----	----	-------

Sinh			Sinh	Dục	Dới	Quan	Vượng						
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiến Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng truwong sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Em hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng truwong sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng truwong sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Em có thể nhìn vòng truwong sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Em chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương	Dưỡng		Thương	Dưỡng		Thần	Tỷ	Suy	T.Tài	Dưỡng	
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THİN	Dưỡng	KÝ	MÙI	Q.Đói	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh Thương Dưỡng	Mậu Kiếp Q.Đói	Nhâm Tài Mô	Mậu Kiếp Q.Đói	Át Sát Q.Đói	Quý T.Tài Dưỡng	Ký Tỷ Suy	Át Sát Q.Đói	Đinh Kiêu Suy	Tân Thực Mô		

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tương trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Em Trai
- Trụ tháng tương trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Em Trai
- Trụ ngày tương trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Em Trai
- Trụ giờ tương trưng cho con cái cái và tuổi già của Quý Em Trai

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh án, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, tham chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ân (Chánh ân) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ân có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ân là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ân, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ân, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, tham chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ân) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên ân sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ân có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ân quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ân lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lầm. Nói chung khi Thân vượng thiên ân được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ân, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, tham chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, tham chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, tham chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, tham chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách

và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuỷn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thàn làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dàn và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thàn là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thàn, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Em đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Em. Quý Em có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Em.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Em Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.
XemTuong.net